

UỶ BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH BẮC NINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18 /2023/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 13 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý tài chính Nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Kết luận số 845-KL/TU ngày 14/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 26/TTr-KHĐT.KTĐN ngày 12 tháng 7 năm 2023.


**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các

cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2023.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:* 

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Bộ Ngoại giao (b/c);
- Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các CVNC;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vương Quốc Tuấn**



**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH BẮC NINH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ**

**Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

*(Ban hành Kèm theo Quyết định số 18./2023/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, bao gồm các nội dung: Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng khoản viện trợ; quản lý thực hiện viện trợ; quản lý tài chính nguồn viện trợ và trách nhiệm quản lý, sử dụng khoản viện trợ của các cơ quan, tổ chức.

2. Những nội dung không quy định tại Quy chế này, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại khoản 1 Điều này.

2. Bên cung cấp viện trợ trong Quy chế này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài có thiện chí, tôn trọng và chấp hành luật pháp Việt Nam, bao gồm:

a) Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân được thành lập theo luật pháp nước ngoài.

b) Các cá nhân nước ngoài, bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

c) Các doanh nghiệp, công ty được thành lập theo luật pháp nước ngoài, không bao gồm các tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư.

d) Các tổ chức nghiên cứu và đào tạo được thành lập theo luật pháp nước ngoài (bao gồm cả các viện nghiên cứu, tổ chức hợp tác thuộc Chính phủ nước ngoài).

đ) Các bộ, cơ quan, tổ chức thuộc Chính phủ nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam trực tiếp cung cấp khoản viện trợ, hoặc ủy quyền cho các tổ chức pháp nhân nước ngoài quản lý các khoản viện trợ mà việc tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ không yêu cầu phải ký kết chính thức theo quy định của Luật Điều ước quốc tế hoặc không yêu cầu bên Việt Nam ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức Việt Nam được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của khoản viện trợ tiếp nhận:

a) Các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động.

b) Các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ và quỹ xã hội, quỹ từ thiện được thành lập hợp pháp theo các quy định của pháp luật Việt Nam về hội, tổ chức khoa học và công nghệ, quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

c) Doanh nghiệp xã hội tiếp nhận viện trợ để thực hiện mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

d) Các đối tượng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

### **Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ**

1. UBND tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước về viện trợ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp, gắn quyền hạn với trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức và các đơn vị thực hiện.

2. Các khoản viện trợ khi được xây dựng và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Bên cung cấp viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của Bên cung cấp viện trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Không tiếp nhận các khoản viện trợ gây ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Các nguyên tắc khác thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quản lý về sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 80/2020/NĐ-CP).

## **Chương II** **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 4. Quản lý thực hiện viện trợ**

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện của chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định một trong các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án, theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Trên cơ sở quyết định tiếp nhận viện trợ của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ khoản viện trợ tổ chức bộ máy quản lý chương trình, dự án và thực hiện quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Trường hợp thành lập Ban Quản lý dự án, Ban Quản lý dự án thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

4. Trường hợp điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án thì thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

5. Đối với dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng thì thực hiện quản lý theo quy định pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng và các quy định của pháp luật liên quan.

6. Bán hàng hóa thuộc khoản viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

7. Sau khi kết thúc dự án, chủ khoản viện trợ tổ chức đánh giá, tiến hành các thủ tục nghiệm thu, bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng để khai thác sử dụng và gửi báo cáo kết thúc dự án đến UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp (chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện).

8. Trong quá trình thực hiện nếu có xảy ra tranh chấp thì thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

### **Điều 5. Quản lý tài chính nguồn viện trợ**

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính Nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 23/2022/TT-BTC).

2. Mở tài khoản cho chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 12 Thông tư số 23/2022/TT-BTC.

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Điều 8 Thông tư số 23/2022/TT-BTC.

4. Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền.

a) Đối với vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước được thực hiện theo quy định từ khoản 2 đến khoản 8 Điều 23 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và khoản 2 Điều 12 Thông tư số 23/2022/TT-BTC;

b) Đối với vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước được thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 23 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

### **5. Quản lý vốn đối ứng**

a) Các chương trình, dự án được bố trí vốn đối ứng: Đối với chương trình, dự án viện trợ mà Bên cung cấp viện trợ có yêu cầu bố trí vốn đối ứng, Chủ khoản viện trợ đề xuất cụ thể nguồn vốn đối ứng trong hồ sơ chương trình, dự án, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chương trình, dự án có quy định cụ thể về bố trí vốn đối ứng hoặc có văn bản đồng ý bố trí vốn đối ứng cho các chương trình, dự án khác do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Nguồn vốn đối ứng: Ngân sách Nhà nước (ngân sách tỉnh, huyện) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

6. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, cụ thể:

a) Đối với khoản viện trợ mà cơ quan, tổ chức tiếp nhận viện trợ được ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động thì lập

kế hoạch vốn chuẩn bị khoản viện trợ, gửi Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội (sau đây gọi tắt là Luật Ngân sách Nhà nước). Trường hợp các cơ quan, tổ chức tiếp nhận viện trợ tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thì tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ;

b) Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu của ngân sách Nhà nước (trung ương và địa phương), chủ khoản viện trợ tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ;

c) Trường hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ tài chính để chuẩn bị chương trình, dự án, Chủ khoản viện trợ đưa nguồn vốn chuẩn bị vào tổng vốn chung của khoản viện trợ.

7. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ, thuế, kiểm toán các khoản viện trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 25 và Điều 26 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

#### **Điều 6. Trách nhiệm quản lý, sử dụng khoản viện trợ của các cơ quan, tổ chức**

1. UBND tỉnh (cơ quan chủ quản): Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 13 và Điều 33 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Là cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này và Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

b) Tiếp nhận, thẩm định các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh; tham mưu giúp UBND tỉnh tham gia ý kiến thẩm định đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan Trung ương theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan cân đối bố trí vốn đầu tư công trong trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách tỉnh cho các khoản viện trợ có nhu cầu sử dụng vốn đối ứng là vốn đầu tư công.

d) Hướng dẫn Chủ khoản viện trợ: Lập hồ sơ khoản viện trợ theo Quy chế này, xây dựng báo cáo kết thúc các chương trình/dự án, phi dự án theo quy định;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện dự án, việc chấp hành các quy định hiện hành về quản lý dự án trên địa bàn tỉnh;

e) Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh báo cáo định kỳ hằng năm về tình hình giải ngân, sử dụng viện trợ; báo cáo tổng hợp hằng năm về tình hình thực hiện, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh theo quy định tại khoản 9 Điều 13, Điều 33 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

### 3. Văn phòng UBND tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan liên quan, quản lý công tác đoàn vào của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tình nguyện viên và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện viện trợ nhân đạo trên địa bàn tỉnh;

b) Phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan liên quan trong công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định khoản viện trợ theo quy định;

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện việc kiểm tra, thanh tra, giám sát việc quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

### 4. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn về quản lý tài chính Nhà nước đối với các khoản viện trợ:

Đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước: Thực hiện quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước và quản lý tài chính quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP và Thông tư số 23/2022/TT-BTC.

Đối với khoản viện trợ do bên cung cấp viện trợ trực tiếp quản lý, thực hiện: Trường hợp bên cung cấp viện trợ bàn giao quyền sở hữu đối với các tài sản, trang thiết bị của chương trình, dự án cho Chủ khoản viện trợ, Sở Tài chính hướng dẫn Chủ khoản viện trợ thực hiện việc xác lập sở hữu tài sản theo quy định hiện hành.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định khoản viện trợ; thẩm định khả năng đóng góp vốn đối ứng (nguồn vốn chi thường xuyên ngân sách tỉnh, chi thường xuyên của đơn vị tiếp nhận tài trợ); các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước; tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của chương trình, dự án dành cho các hạng mục chủ yếu của chương trình, dự án.

c) Tham mưu giúp UBND tỉnh báo cáo tài chính, các nguồn vốn, tài sản tiếp nhận theo quy định; thẩm định báo cáo quyết toán thu chi nguồn vốn viện trợ theo quy định.



d) Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý tài chính và tuân thủ quy định tài chính đối với các tổ chức, đơn vị tiếp nhận viện trợ theo quy định.

đ) Tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đối ứng cho các chương trình, dự án, phi dự án viện trợ nước ngoài trong kế hoạch ngân sách Nhà nước hằng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước;

e) Hướng dẫn Chủ khoản viện trợ các thủ tục quyết toán sau khi chương trình, dự án kết thúc.

#### 5. Công an tỉnh

a) Tham mưu UBND tỉnh thực hiện công tác đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong quản lý và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn và hỗ trợ các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh và các tổ chức, cá nhân trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài thực hiện đúng quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định khoản viện trợ theo quy định;

d) Chủ động, kịp thời phát hiện, đề xuất xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ nước ngoài.

#### 6. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định trình UBND tỉnh thành lập Ban Quản lý dự án đối với chương trình, dự án phải thành lập riêng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định 80/2020/NĐ-CP.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trong việc chấp hành và thực hiện đúng đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

c) Thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo thẩm quyền quản lý Nhà nước của Sở Nội vụ.

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan liên quan thẩm định và góp ý kiến việc tiếp nhận các khoản viện trợ theo thẩm quyền quản lý Nhà nước của Sở Nội vụ.

## 7. Sở Xây dựng

a) Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ đối với dự án có cấu phần xây dựng thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng;

b) Hướng dẫn Chủ khoản viện trợ thực hiện thủ tục về đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

8. Sở Giao thông vận tải: Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ đối với dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông.

9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ đối với chương trình, dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

10. Sở Công Thương: Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ đối với dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp, năng lượng.

11. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ đối với khoản viện trợ thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội và các lĩnh vực khác thuộc lĩnh vực quản lý của ngành.

12. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan, tổ chức liên quan khác trên địa bàn tỉnh:

a) Tham gia thẩm định khoản viện trợ về nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương; tham gia kiểm tra, giám sát khoản viện trợ trên địa bàn theo quy định.

b) Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị trực thuộc tiếp nhận và sử dụng khoản viện trợ theo Quy chế này và các quy định của pháp luật.

c) UBND các huyện, thị xã, thành phố: Tạo điều kiện về mặt bằng (nếu có) để thực hiện các chương trình, dự án theo nội dung văn kiện đã ký kết; thống nhất đầu mối giao Phòng Tài chính - Kế hoạch làm đầu mối trong quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn.

13. Các cơ quan, tổ chức tiếp nhận viện trợ: Phối hợp với Chủ khoản viện trợ lập hồ sơ khoản viện trợ; tiếp nhận và sử dụng viện trợ hiệu quả, đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

14. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp viện trợ: Phối hợp với Chủ khoản viện trợ lập hồ sơ khoản viện trợ theo quy định.

## **Điều 7. Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ**

1. Chế độ báo cáo về tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, định kỳ hằng năm (trước ngày 20/12) báo cáo UBND tỉnh về tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

b) Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và Chủ khoản viện trợ báo cáo về tình hình giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ theo định kỳ hằng năm (trước ngày 10/12) và đột xuất (nếu có).

c) Biểu mẫu thực hiện: Theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư khi được ban hành. Trong trường hợp chưa ban hành, thực hiện theo văn bản hướng dẫn.

2. Chế độ báo cáo về kết quả vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài:

a) Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên báo cáo tổng hợp về kết quả vận động viện trợ từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức và cá nhân nước ngoài khác theo định kỳ 6 tháng và hằng năm (trước ngày 10/6 và 10/12) và đột xuất.

b) Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo về kết quả vận động viện trợ từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức và cá nhân nước ngoài khác theo định kỳ 06 tháng và hằng năm (trước ngày 10/6 và 10/12) và đột xuất.

3. Kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ:

a) Văn phòng UBND tỉnh: Thực hiện việc giám sát, đánh giá việc tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ do Thủ trưởng cơ quan phê duyệt; kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vướng mắc, khó khăn, những vi phạm trong quá trình triển khai công tác tiếp nhận và sử dụng viện trợ hoặc thông báo với các cơ quan quản lý Nhà nước về viện trợ liên quan để xử lý.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan (nếu có) tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách cấp tỉnh.

c) Sở Tài chính tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương và viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách địa phương.

d) Công an tỉnh phối hợp thực hiện giám sát hoạt động viện trợ.



### **Chương III**

## **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì, tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này. Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện Quy chế này theo quy định.

2. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan để triển khai thực hiện các hoạt động tiếp nhận, quản lý và sử dụng khoản viện trợ theo quy định.

#### **Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Quy chế**

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.